

Số: /TB-UBND

Hải Dương, ngày tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực KCB thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế

Căn cứ Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khám chữa bệnh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế (*Chi tiết tại Quyết định số 1608/QĐ-UBND gửi kèm theo*); thực hiện Công văn số 4163/SYT-TCHC của Sở Y tế thành phố về việc công khai thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực KCB thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.

UBND phường Hải Dương thực hiện niêm yết công khai:

- Danh mục và nội dung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khám chữa bệnh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế. Nội dung TTHC (*có Phụ lục Danh mục đính kèm*).

- Danh mục và nội dung TTHC sửa đổi, bổ sung được niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ Hành chính công của UBND phường.

Nội dung chi tiết được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của UBND phường Hải Dương, địa chỉ: <https://haiduong.haiphong.gov.vn/>.

Ủy ban nhân dân phường Hải Dương trân trọng thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (*để bc*);
- Lãnh đạo phường;
- Trung tâm PVHCC phường;
- Văn phòng HĐND&UBND;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoa

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ DUNG LĨNH VỰC KHÁM
BỆNH, CHỮA BỆNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND phường)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Thời gian sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01 TTHC)									
1	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Riêng đối với trường hợp III, cần tính thời hạn thực hiện theo trình tự thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP trước khi nộp hồ sơ đề nghị điều	- Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Riêng đối với trường hợp 3, cần tính thời hạn thực hiện theo trình tự thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP trước khi nộp hồ sơ đề nghị	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) Trường hợp 1: Trường hợp thay đổi		x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/202 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

		<p>chỉnh giấy phép hoạt động) - Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: thời hạn để xử lý</p> <p>Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị</p>	<p>điều chỉnh giấy phép hoạt động) - Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.</p> <p>(Riêng đối với trường hợp 3, cần</p>	<p>thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm (Điều 65 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP</p> <p>Phí: 1.500.000 đồng/hồ sơ(Thu 50% mức phí trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC</p> <p>Trường hợp 2: Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật (không phải danh mục kỹ thuật loại đặc biệt) của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Điều 66 Nghị định</p>	<p>-Thông tư số 02/2026/TTBYT ngày 05/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế</p> <p>-Thông tư số 04/2026/TT-BYT ngày 16/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đối với việc bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt</p> <p>-Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế;</p> <p>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp</p>
--	--	--	---	--	--

			(Riêng đối với trường hợp III, cần tính thời hạn thực hiện theo trình tự thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP trước khi nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động)	tính thời hạn thực hiện theo trình tự thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP trước khi nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động)	<p>số 96/2023/NĐ-CP)</p> <p>a) Thay đổi quy mô hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ. - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ. <p>b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật - Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa,</p>		người dân.
--	--	--	---	--	--	--	------------

					<p>Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám</p> <p>bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.<i>(Thu 50% mức phí trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTCTrường hợp</i></p>			
--	--	--	--	--	---	--	--	--

					<p>3: Trường hợp bổ sung các kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt (Khoản 10 Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP)</p> <p>a) Thay đổi quy mô hoạt động:- Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ.- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ.- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ</p>			
--	--	--	--	--	---	--	--	--

					<p>sung danh mục kỹ thuật- Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>c) Giảm bớt danh</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

						mục kỹ thuật: Không thu phí.(Thu 50% mức phí trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC			
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--